

Bản án số: 19/2020/HC-PT

Ngày 17 – 02 – 2020

V/v khiếu kiện quyết định
hành chính về đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thanh

Các thẩm phán: Ông Võ Văn Khoa

Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Út – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số: 549/2019/TLPT-HC ngày 23 tháng 9 năm 2019 về khiếu kiện quyết định hành chính về đất đai.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2019/HC-ST ngày 02 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 43/2020/QĐ-PT ngày 16 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Lăng Thị B, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh T; (*vắng mặt*).

Người đại diện theo ủy quyền của bà B (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 08/12/2018): Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1959; địa chỉ: 215/8A, ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh T; (*có mặt*).

- *Người bị kiện:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh T, (*xin vắng mặt*)

2. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh T, (*xin vắng mặt*).

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh T.

- *Người kháng cáo*: Người khởi kiện bà Lăng Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người khởi kiện Lăng Thị B có đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị C trình bày:*

Bà B là người có quyền sử dụng diện tích đất 382m², thửa số 3671 tại Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh T do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện C cấp ngày 26/02/2004 số vào sổ 04556 QSDĐ/2/72. Phần đất này do bà B sang lập, nâng lên từ đất vườn thấp, ngập nước lên cao bằng mặt lộ và cất nhà ở từ năm 1993 đến nay.

Ngày 23/6/2014, UBND huyện C có Quyết định số 3851/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất của bà B 352,8m² thuộc thửa 441 để thi công công trình đường Bình Phú – Phú An (đường huyện 63).

Ngày 25/9/2014 Hội đồng bồi thường huyện Cai Lậy có Quyết định số 5138/QĐ-HĐBT, theo đó bồi thường hỗ trợ cho bà B với số tiền 699.761.000 đồng.

Không đồng ý với các quyết định nêu trên, bà B nhiều lần khiếu nại đến UBND huyện C về việc bồi thường số tiền quá thấp so với thực tế và không hỗ trợ tái định cư nhưng không được xem xét giải quyết.

Ngày 12/9/2016, Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 5777/QĐUBND về việc cưỡng chế thi hành Quyết định số 3851/QĐ-UBND ngày 23/6/2014 của UBND huyện C, buộc bà B tháo dỡ nhà, công trình phụ, cây trồng trên đất để giao mặt bằng cho Hội đồng bồi thường huyện Cai Lậy.

Ngày 29/9/2016, UBND huyện đến cưỡng chế tháo dỡ nhà của bà B, hiện nay bà phải thuê nhà trọ, không có thu nhập, cuộc sống khó khăn.

Các Quyết định số 3851/QĐ-UBND ngày 23/6/2014 của UBND huyện C, Quyết định số 5138/QĐ-HĐBT ngày 25/9/2014 của Hội đồng bồi thường huyện Cai Lậy và Quyết định số 5777/QĐ-UBND ngày 12/9/2016 của Chủ tịch UBND huyện C gây thiệt thòi cho bà B bởi:

Thửa đất của bà B là đất ở nông thôn, diện tích được cấp theo giấy chứng nhận là 382m² (trong đó đất ONT là 181,6m², đất CLN là 171,2m²), nhưng trong tất cả giấy báo đóng thuế bà B đóng từ năm 1993 đến nay là 300m² đất thổ cư, theo giá tiền mà bà B đóng thuế là 700.000đồng/m²). Như vậy, việc áp giá cho bà B thấp và ít hơn diện tích đất và giá đóng thuế, là không đúng.

Đồng thời, giá trị nhà không áp dụng Nghị định 47 của Chính phủ có hiệu lực thì không đúng với giá thị trường gây thiệt hại cho bà B. Mặt khác, tiền san lấp toàn bộ khu đất và nhà bị giải tỏa là 400.000.000 đồng chưa được xem xét.

UBND huyện C chỉ hỗ trợ di dời 04 tháng, mỗi tháng 900.000 đồng là chưa phù hợp. Hơn nữa, nhà bà B bị giải tỏa trắng nhưng không được hỗ trợ tái định cư là không đúng.

Vì vậy, bà B yêu cầu:

1. Hủy Quyết định số 3851/QĐ-UBND ngày 23/6/2014 của UBND huyện C, Quyết định số 5138/QĐ-HĐBT ngày 25/9/2014 của Hội đồng bồi thường huyện Cai Lậy và Quyết định số 5777/QĐ-UBND ngày 12/9/2016 của Chủ tịch UBND huyện C.

2. Bồi thường giá đất hiện nay bằng giá thị trường là 3.200.000 đồng/m², tổng cộng 352,8m² nên số tiền là 1.128.230.000 đồng.

3. Bồi thường tiền san lấp nền và khu vực bị giải tỏa là 400.000.000 đồng, nhà và công trình phụ là 999.230.000 đồng;

4. Tiền thuê nhà trong thời gian là 36.000.000 đồng;

5. Tiền mất thu nhập là 216.000.000 đồng;

6. Giải quyết cho bà B được cấp một nền nhà tái định cư.

- Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy và Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy trình bày:

1. Quá trình giải quyết hồ sơ: Công trình Đường Bình Phú - Phú An được thực hiện theo quy định của Luật Đất đai năm 2003 và Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ.

UBND huyện C (UBND huyện) đã chỉ đạo Hội đồng bồi thường phối hợp với UBND xã Bình Phú tổ chức kiểm đếm đất đai, tài sản bị thiệt hại trên đất của các hộ bị ảnh hưởng bởi dự án vào tháng 6/2014, trong tổng số 148 hộ bị ảnh hưởng có 147 hộ đồng ý cho kiểm kê riêng hộ bà Lăng Thị B không cho tổ công tác kiểm kê, đến ngày 19/9/2014 sau khi vận động thì hộ bà B mới đồng ý cho tổ công tác kiểm đến đất đai và tài sản bị thiệt hại.

Bà Lăng Thị B bị ảnh hưởng đất, nhà ở, cây trồng, quán kinh doanh và một số vật kiến trúc khác. Trong đó thửa đất bị ảnh hưởng có tổng diện tích là 471,2m², diện tích bị ảnh hưởng là 352,8m², diện tích còn lại là 118,4m².

Theo Biên bản bồi thường số 60/BB-HĐBT ngày 25/9/2014 của Hội đồng bồi thường, bà B được bồi thường hết diện tích nhà ở, công trình phụ, cây

trồng hoa màu, đất bồi thường có diện tích 181,6m² đất ONT + 171,2m² đất CLN, còn lại 118,4m² đất ONT, tổng giá trị bồi thường là 699.761.000 đồng, bao gồm:

- + Bồi thường và hỗ trợ đất: 182.576.000 đồng;
- + Nhà ở: 350.234.000 đồng;
- + Công trình phụ: 149.381.000 đồng;
- + Cây trồng hoa màu: 10.970.000 đồng;
- + Các chế độ hỗ trợ khác: 6.600.000 đồng.

Việc thực hiện bồi thường của Hội đồng bồi thường huyện là hoàn toàn đúng theo quy định của Luật Đất đai năm 2003, đúng theo Phương án bồi thường đã được UBND huyện C phê duyệt tại Quyết định số 3491/QĐ-UBND ngày 20/5/2014.

Sau khi được UBND huyện phê duyệt kinh phí bồi thường, Hội đồng bồi thường huyện triển khai quyết định chi tiền cho hộ bà B, nhưng hộ bà B không đồng ý nhận tiền.

Xét thấy, phần diện tích còn lại của bà B sau khi hoàn thành công trình sẽ nằm trong hành lang an toàn đường bộ không thể xây dựng nhà ở và hoàn cảnh gia đình bà B lại khó khăn nên Hội đồng bồi thường huyện đã xin ý kiến của UBND huyện tiến hành họp đề đề ra phương án giải quyết đối với trường hợp của bà. Sau khi bàn bạc, Hội đồng bồi thường huyện thống nhất, nếu bà B có đơn đề nghị xin được giải tỏa trắng (bồi thường hết diện tích 300m² đất ở nông thôn) và di chuyển nhà ở ra khỏi phạm vi thửa đất bị ảnh hưởng thì Hội đồng sẽ xem xét 02 phương án sau để bà B lựa chọn:

+ *Phương án 1*: Bồi thường hết diện tích nhà ở, công trình phụ, cây trồng hoa màu, bồi thường 300m² đất ONT + 52,8m² đất CLN, còn lại 118,4m² đất CLN, tổng giá trị bồi thường là 784.389.000 đồng. Phương án này có xét đến suất hỗ trợ tái định cư do thu hồi hết 300m² đất ONT.

+ *Phương án 2*: Bồi thường hết diện tích nhà ở, công trình phụ, cây trồng hoa màu và hết diện tích đất, trong đó bồi thường 300m² đất ONT + 171,2m² CLN, tổng giá trị bồi thường là 835.301.000 đồng. Phương án này có xét đến suất hỗ trợ tái định cư do thu hồi hết 300m² đất ONT.

Ngoài ra, đối với 02 phương án này nếu bà B không nhận 60 triệu đồng tiền hỗ trợ tái định cư (trừ lại số tiền hỗ trợ suất tái định cư) thì được xem xét mua 01 nền nhà tại Khu tái định cư Trung tâm hành chính huyện Cai Lậy (địa điểm xã Bình Phú, huyện Cai Lậy). Cụ thể: Dãy F từ nền số 03 đến nền số 32 và

Dãy G từ nền số 03 đến nền số 32, diện tích 100m²/nền (ngang 5m, dài 20m) với giá là 124.900.000 đồng/nền/100m², nhưng hộ bà B phải có đơn đề nghị xin được giải tỏa trắng, đồng ý nhận tiền và bàn giao mặt bằng.

Ngược lại, nếu bà B không đồng ý, cơ quan chức năng phải thực hiện cưỡng chế thu hồi đất thì thực hiện theo phương án đã được phê duyệt và không xem xét cho bà B được mua nền tại Khu tái định cư Trung tâm hành chính huyện Cai Lậy.

UBND huyện đã chủ trì, phối hợp với Hội đồng bồi thường huyện, các ban, ngành, đoàn thể và địa phương tiếp xúc, trao đổi, vận động và giải thích về các chính sách bồi thường, chi tiết từng nội dung yêu cầu của bà B rất nhiều lần và đề ra phương án có lợi để bà lựa chọn nhưng bà vẫn không đồng ý.

Đến ngày 29/9/2016, UBND huyện phối hợp cùng các ban, ngành, đoàn thể của huyện và UBND xã Bình Phú cùng lực lượng công an đã cưỡng chế thu hồi đất an toàn đối với hộ bà Lăng Thị B.

(Hộ bà Lăng Thị B, ngoài thửa đất bị thu hồi nêu trên, còn 01 thửa đất số 432, tờ bản đồ số 37, diện tích 1.069,4m², loại đất trồng lúa).

2. Ý kiến của UBND huyện đối với các nội dung khởi kiện của bà Lăng Thị B:

2.1. Nội dung thứ nhất: Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 3851/QĐ-UBND ngày 23/6/2014 của UBND huyện C; Quyết định số 5138/QĐ-HĐBT ngày 25/9/2014 của Hội đồng bồi thường huyện Cai Lậy và Quyết định số 5777/QĐ-UBND ngày 12/9/2016 của Chủ tịch UBND huyện C.

Đối với 03 Quyết định nêu trên, UBND huyện và Chủ tịch UBND huyện đã ban hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

2.2. Nội dung thứ 2: Đối với yêu cầu bồi thường giá đất bằng giá thị trường là 3.200.000 đồng/m².

Do công trình Đường Bình Phú - Phú An được triển khai thực hiện năm 2014 (thời điểm Luật Đất đai 2003 còn hiệu lực), cụ thể:

+ Quyết định phê duyệt dự án đầu tư số 2594/QĐ-UBND ngày 30/10/2013 của UBND tỉnh Tiền Giang.

+ Quyết định phê duyệt Phương án bồi thường số 3491/QĐ-UBND ngày 20/5/2014 của UBND huyện C.

+ Quyết định thu hồi đất số 3851/QĐ-UBND ngày 23/6/2014 của UBND huyện C.

Cơ sở để áp giá bồi thường, hỗ trợ về đất theo Quyết định số 52/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của UBND tỉnh Tiền Giang ban hành Quy định về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang năm 2014, cụ thể:

+ Đất ở mặt tiền Đường tỉnh 875B (Đường Giồng Tre) đoạn từ Quốc lộ 1 đến ranh xã Hiệp Đức: 600.000 đồng/m².

+ Đất trồng cây lâu năm mặt tiền đường tỉnh: 130.000 đồng/m².

Theo Phương án bồi thường được duyệt, hỗ trợ đối với đất nông nghiệp trong khu dân cư và đất vườn ao không được công nhận là đất ở bằng 50% giá đất ở của thửa đất đó; cụ thể đơn giá bồi thường và hỗ trợ đối với đất trồng cây lâu năm: $130.000 + (600.000 \times 50\%) = 430.000$ đồng/m².

2.3. Nội dung thứ 3: Đối với yêu cầu bồi thường tiền san lấp mặt bằng là 400.000.000 đồng.

Theo Phương án bồi thường được duyệt thì không có hỗ trợ tiền san lấp mặt bằng, do bồi thường đất trồng cây lâu năm đã có hỗ trợ bằng 50% giá đất ở của thửa đất đó.

2.4. Nội dung thứ 4: Đối với yêu cầu bồi thường nhà và công trình phụ là 999.230.000 đồng.

Về đơn giá bồi thường nhà ở và công trình phụ áp dụng theo Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 15/4/2014 của UBND tỉnh Tiền Giang ban hành bảng đơn giá xây dựng nhà ở và vật kiến trúc thông dụng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang; cụ thể giá trị bồi thường nhà ở và công trình phụ của hộ bà Lăng Thị B là 499.615.000 đồng.

2.5. Nội dung thứ 5: Đối với yêu cầu về tiền thuê nhà trong thời gian 06 tháng là 06 triệu đồng.

Theo Phương án bồi thường được duyệt, thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 24 của Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 24/5/2013 của UBND tỉnh Tiền Giang: “Người bị thu hồi đất ở, không còn chỗ ở khác, trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới được hỗ trợ tiền thuê nhà như sau:

- Hộ có từ 01 đến 04 nhân khẩu: 900.000 đồng/tháng/hộ.

- Hộ có từ 05 nhân khẩu trở lên: nhân khẩu từ thứ 5 trở đi cộng thêm 150.000 đ/tháng/người.

a) Trường hợp hộ bị giải tỏa trắng (cả nhà ở và đất ở) mà tự lo chỗ ở: Thời gian hỗ trợ là 06 tháng.

b) Trường hợp hộ bị giải tỏa phải di chuyển nhà ở trong phạm vi thửa đất: Thời gian hỗ trợ là 04 tháng”.

Do hộ bà Lăng Thị B có tổng diện tích thửa đất là 471,2m², diện tích thu hồi là 352,8m², diện tích còn lại 118,4m² đất ở tại nông thôn nên Hội đồng bồi thường huyện áp dụng chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà là 04 tháng, đơn giá 900.000 đồng/tháng/hộ.

2.6. Nội dung thứ 6: Đối với yêu cầu về hỗ trợ tiền mất thu nhập 01 năm là 54 triệu đồng.

Theo Phương án bồi thường được duyệt, thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 26 của Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 24/5/2013 của UBND tỉnh Tiền Giang, cụ thể:

Đối với những tổ chức kinh tế, hộ sản xuất kinh doanh mà bị ngừng sản xuất kinh doanh thì hỗ trợ cụ thể như sau:

“Tổ chức, hộ gia đình sản xuất kinh doanh có đăng ký kinh doanh, có hạch toán, kê khai theo quy định hoặc nộp thuế khoán:

+ Di dời đi nơi khác: Mức hỗ trợ 30% thu nhập một năm sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liền kề trước đó.

+ Không phải di dời đi nơi khác: Mức hỗ trợ 15% thu nhập một năm sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liền kề trước đó.

Tổ chức, hộ gia đình không có giấy phép đăng ký kinh doanh nhưng có nộp thuế:

+ Di dời đi nơi khác: Mức hỗ trợ 20% thu nhập một năm sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liền kề trước đó.

+ Không phải di dời đi nơi khác: Mức hỗ trợ 10% thu nhập một năm sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liền kề trước đó.

Cơ quan thuế chịu trách nhiệm xác nhận mức thu nhập sau thuế để làm cơ sở cho Hội đồng bồi thường xác định trình cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với khoản hỗ trợ này”.

Do hộ bà Lăng Thị B chưa cung cấp được những chứng từ có liên quan để cơ quan thuế xác nhận mức thu nhập sau thuế. Vì vậy, Hội đồng bồi thường huyện chưa có cơ sở áp dụng chính sách hỗ trợ mất thu nhập đối với hộ bà B.

2. 7. Nội dung thứ 7: Đối với yêu cầu giải quyết cho bà B được cấp một nền tái định cư.

Theo Phương án bồi thường được duyệt, bà B được bồi thường hết diện tích nhà ở, công trình phụ, cây trồng hoa màu, đất bồi thường 181,6m² đất ONT + 171,2m² đất CLN, còn lại 118,4m² đất ONT. Do còn lại 118,4m² đất ONT nên bà B không đủ điều kiện để được hỗ trợ tái định cư.

Tuy nhiên, xét thấy phần diện tích còn lại của bà B sau khi hoàn thành công trình sẽ nằm trong hành lang an toàn đường bộ không thể xây dựng nhà ở và hoàn cảnh gia đình bà B lại khó khăn, nên trong trường hợp bà chấp nhận đề nghị giải tỏa trắng thì sẽ được hỗ trợ suất tái định cư và nếu bà không nhận suất tái định cư bằng tiền là 60.000.000 đồng thì UBND huyện sẽ xem xét bán nền tái định cư tại Khu tái định cư Trung tâm hành chính huyện Cai Lậy theo giá duyệt của UBND tỉnh là 124.900.000 đồng/nền/100m² cho bà. Thế nhưng, bà B đã không chọn phương án giải tỏa trắng, không chấp hành bàn giao mặt bằng dẫn đến phải thực hiện cưỡng chế thu hồi đất, nên không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

Nay, Chủ tịch UBND huyện C và UBND huyện C vẫn bảo lưu các Quyết định số 3851/QĐ-UBND ngày 23/6/2014 của UBND huyện C, Quyết định số 5138/QĐ-HĐBT ngày 25/9/2014 của Hội đồng bồi thường huyện Cai Lậy và Quyết định số 5777/QĐ-UBND ngày 12/9/2016 của Chủ tịch UBND huyện C.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 22/2019/HC-ST ngày 02/8/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, các Điều 32, 115, 116, 193 Luật tổ tụng Hành chính; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lăng Thị B về việc yêu cầu hủy Quyết định số 3851/QĐ-UBND ngày 23/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy, Quyết định số 5138/QĐ-HĐBT ngày 25/9/2014 của Hội đồng bồi thường huyện Cai Lậy và Quyết định số 5777/QĐ-UBND ngày 12/9/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy.

2. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường liên quan đến việc thu hồi đất đối với Ủy ban nhân dân, Hội đồng bồi thường Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy và quyết định cưỡng chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh T của bà Lăng Thị B.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên bà B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 06/8/2019, người khởi kiện bà Lăng Thị B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do Bản án sơ thẩm xét xử không chính xác, không khách quan, không đúng pháp luật, nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của bà B.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo bà Lăng Thị B, có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa trình bày, vẫn giữ nguyên kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của bà B với lý do: Quyết định số 3851/QĐUBND ngày 23/6/2014 của UBND huyện C đã thu hồi của hộ bà B diện tích đất nhiều hơn so với Quyết định số 2594/QĐ-UBND ngày 30/10/2013 của UBND tỉnh Tiền Giang là khoảng 142m². Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ bà B thì sau khi thu hồi, diện tích đất thuộc quyền sử dụng của hộ bà B chỉ còn lại 29m², còn lại là đất của hàng xóm. Hộ bà B chỉ bị cưỡng chế đập phá ½ nhà nhưng khi thực hiện cưỡng chế lại đập phá cả căn nhà là vi phạm pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà B.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng Hành chính.

Về kháng cáo của bà Lăng Thị B: Mục đích thu hồi đất của hộ bà B là để mở rộng tuyến đường Bình Phú - Phú An. Các cơ quan chức năng đã tổ chức thương lượng nhiều lần, đưa ra nhiều phương án bồi thường, hỗ trợ có lợi cho hộ bà B để bà B lựa chọn nhưng bà B vẫn không đồng ý. Do đó, Chủ tịch UBND huyện ban hành quyết định cưỡng chế là đúng, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của bà Lăng Thị B, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Lăng Thị B nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm:

[1] *Về tố tụng:*

Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Đối với yêu cầu của bà Lăng Thị B về hủy Quyết định số 3851/QĐ-UBND ngày 23/6/2014 của UBND huyện C, Quyết định số 5138/QĐ-HĐBT ngày 25/9/2014 của Hội đồng bồi thường huyện Cai Lậy và Quyết định số 5777/QĐ-UBND ngày 12/9/2016 của Chủ tịch UBND huyện C, tỉnh Tiền Giang:

[2.1a] Dự án đầu tư xây dựng công trình đường Bình Phú – Phú An huyện Cai Lậy được thực hiện theo Quyết định số 2594/QĐ-UBND ngày 30/10/2013 của UBND tỉnh Tiền Giang (Quyết định số 2594/QĐ-UBND). Theo đó, có tổng số 148 hộ nằm trong phạm vi bị ảnh hưởng, trong đó có hộ bà Lăng Thị B và UBND huyện C đã ban hành Quyết định số 3851/QĐUBND ngày 23/6/2014 thu hồi của hộ bà B diện tích đất 352,8m², thuộc thửa số 441, tờ bản đồ số 37 tại Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh T (Quyết định số 3851/QĐUBND ngày 23/6/2014).

[2.1b] Để thực hiện Quyết định số 2594/QĐ-UBND nêu trên, UBND huyện C đã ban hành Quyết định số 3370/QĐ-UBND ngày 09/5/2014 về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình đường Bình Phú – Phú An huyện Cai Lậy và Quyết định số 4045/QĐ-UBND ngày 24/6/2014 về việc thay đổi thành viên Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình đường Bình Phú – Phú An huyện Cai Lậy.

Đồng thời, UBND huyện C đã ban hành Quyết định số 3491/QĐ-UBND ngày 20/5/2014 về việc phê duyệt Phương án bồi thường công trình đường Bình Phú – Phú An huyện Cai Lậy. Sau đó, UBND huyện đã chỉ đạo Hội đồng bồi thường phối hợp với UBND xã Bình Phú tổ chức kiểm đếm đất đai, tài sản bị thiệt hại trên đất của các hộ bị ảnh hưởng bởi dự án vào tháng 6/2014; trong tổng số 148 hộ bị ảnh hưởng có 147 hộ đồng ý cho kiểm kê và đã nhận tiền bồi thường, riêng hộ bà Lăng Thị B không cho tổ công tác kiểm kê.

Sau khi vận động, đến ngày 19/9/2014 thì hộ bà Lăng Thị B mới đồng ý cho tổ công tác kiểm đếm đất đai, tài sản bị thiệt hại trên đất nên Trung tâm phát triển quỹ đất mới lập được Biên bản số 60/BB.TTPTQĐ ngày 19/9/2014 về việc kiểm kê nhà cửa, vật kiến trúc và cây trồng bị thiệt hại (BL 708). Theo đó, Hội đồng bồi thường UBND huyện C đã lập Biên bản bồi thường tài sản số 60/BB-HĐBT ngày 25/9/2014 về việc bồi thường tài sản bị thiệt hại bởi công trình đường Bình Phú – Phú An huyện Cai Lậy đối với hộ bà Lăng Thị B; đồng thời, ban hành Quyết định số 5138/QĐ-HĐBT ngày 25/9/2014 về việc chi tiền bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Lăng Thị B (Quyết định số 5138/QĐ-HĐBT ngày 25/9/2014).

[2.1c] Bà Lăng Thị B cho rằng, bà không đồng ý với Quyết định số 3851/QĐUBND ngày 23/6/2014 và Quyết định số 5138/QĐ-HĐBT ngày 25/9/2014, vì giá thấp, bồi thường chưa thỏa đáng, và bà B đã khiếu nại 02 quyết định trên nhưng không được giải quyết. Tuy nhiên, qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, không thể hiện việc bà B khiếu nại đối với 02

quyết định này. Còn phía bị kiện đã đưa ra được các chứng cứ thể hiện có việc phía người bị kiện nhiều lần vận động và hướng dẫn hộ bà Lăng Thị B, nếu không đồng ý thì có khiếu nại để được UBND huyện xem xét giải quyết, nhưng từ khi triển khai dự án đến khi bà B khởi kiện bà B không có đơn khiếu nại, cũng không chấp hành các quyết định nêu trên.

[2.1d] Để đảm bảo việc thi công Dự án hoàn thành đúng tiến độ do UBND tỉnh Tiền Giang quy định, UBND huyện có Tờ trình số 61/TTrUBND về việc xin chủ trương cưỡng chế thu hồi đất. Ngày 02/8/2016, UBND tỉnh Tiền Giang có Công văn số 3435/UBND-KTN về việc thống nhất chủ trương cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Lăng Thị B.

Ngày 09/8/2016, UBND huyện ban hành Thông báo số 608/TBUBND về việc đề nghị hộ bà Lăng Thị B nhận tiền bồi thường và bàn giao mặt bằng phục vụ thi công Công trình đường Bình Phú – Phú An, huyện Cai Lậy.

Ngày 12/9/2016, Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 5777/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thi hành Quyết định số 3851/QĐ-UBND ngày 23/6/2014 về việc thu hồi đất đối với hộ bà Lăng Thị B để thực hiện công trình đường Bình Phú – Phú An, huyện Cai Lậy.

Ngày 29/9/2016, UBND huyện và UBND xã Bình Phú cùng lực lượng công an đã cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Lăng Thị B.

Do đó, việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Lăng Thị B là đúng quy trình, thủ tục theo quy định pháp luật.

[2.1đ] Từ những phân tích trên, cho thấy Quyết định số 3851/QĐ-UBND ngày 23/6/2014 của UBND huyện C về việc thu hồi đất đối với hộ bà Lăng Thị B, Quyết định số 5138/QĐ-HĐBT ngày 25/9/2014 của Hội đồng bồi thường huyện Cai Lậy về việc chi tiền bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Lăng Thị B và Quyết định số 5777/QĐ-UBND ngày 12/9/2016 của Chủ tịch UBND huyện C về việc cưỡng chế thi hành Quyết định số 3851/QĐ-UBND ngày 23/6/2014 về việc thu hồi đất đối với hộ bà Lăng Thị B, được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định, có căn cứ theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận đối với yêu cầu của bà Lăng Thị B về việc yêu cầu hủy 03 quyết định trên.

[2.2] Đối với yêu cầu của bà Lăng Thị B về bồi thường giá đất hiện nay bằng giá thị trường là 3.200.000 đồng/m², tổng cộng 352,8m² với số tiền 1.128.230.000 đồng; các yêu cầu bồi thường tiền san lấp nền và khu vực bị giải tỏa là 400.000.000 đồng, bồi thường nhà và công trình phụ là 999.230.000 đồng,

tiền thuê nhà trong thời gian là 36.000.000 đồng; tiền mất thu nhập là 216.000.000 đồng và giải quyết cho bà B được cấp một nền nhà tái định cư:

[2.2a] Công trình Đường Bình Phú - Phú An được thực hiện theo quy định của Luật Đất đai năm 2003 và Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ.

Bà Lăng Thị B bị ảnh hưởng đất, nhà ở, cây trồng, quán kinh doanh và một số vật kiến trúc khác. Trong đó, thửa đất bị ảnh hưởng có tổng diện tích là 471,2m², diện tích bị ảnh hưởng là 352,8m², diện tích còn lại là 118,4m².

Theo Biên bản bồi thường số 60/BB-HĐBT ngày 25/9/2014 của Hội đồng bồi thường, bà B được bồi thường hết diện tích nhà ở, công trình phụ, cây trồng hoa màu, đất bồi thường 181,6m² đất ONT + 171,2m² đất CLN, còn lại 118,4m² đất ONT, tổng giá trị bồi thường là 699.761.000 đồng, bao gồm: Bồi thường và hỗ trợ đất: 182.576.000 đồng; nhà ở: 350.234.000 đồng; công trình phụ: 149.381.000 đồng; cây trồng hoa màu: 10.970.000 đồng; và các chế độ hỗ trợ khác: 6.600.000 đồng.

Việc thực hiện bồi thường của Hội đồng bồi thường huyện là đúng theo quy định của Luật Đất đai năm 2003, đúng theo Phương án bồi thường đã được Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy phê duyệt tại Quyết định số 3491/QĐ-UBND ngày 20/5/2014.

Sau khi được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt kinh phí bồi thường, Hội đồng bồi thường huyện triển khai Quyết định chi tiền cho hộ bà B, nhưng hộ bà B không đồng ý nhận tiền.

[2.2b] Mặt khác, xét điều kiện, thực tế sử dụng đất Hội đồng bồi thường còn đưa ra các phương án tạo điều kiện cho bà B lựa chọn nhằm ổn định cuộc sống một cách tốt nhất, cụ thể như:

Phương án 1: Bồi thường hết diện tích nhà ở, công trình phụ, cây trồng hoa màu, đất bồi thường 300m² đất ONT + 52,8m² đất CLN, còn lại 118,4m² đất CLN, tổng giá trị bồi thường là 784.389.000 đồng. Phương án này có xét đến suất hỗ trợ tái định cư do thu hồi hết 300m² đất ONT.

Phương án 2: Bồi thường hết diện tích nhà ở, công trình phụ, cây trồng hoa màu và hết diện tích đất trong đó bồi thường 300m² đất ONT + 171,2m² CLN, tổng giá trị bồi thường là 835.301.000 đồng. Phương án này có xét đến suất hỗ trợ tái định cư do thu hồi hết 300m² đất ONT.

Ngoài ra, đối với 02 phương án này, trong trường hợp bà B không nhận 60 triệu đồng tiền hỗ trợ tái định cư (trừ lại số tiền hỗ trợ suất tái định cư) thì

được xem xét mua 01 tiền nhà tại Khu tái định cư Trung tâm hành chính huyện Cai Lậy (địa điểm xã Bình Phú, huyện Cai Lậy), cụ thể: Dãy F từ nền số 03 đến nền số 32 và Dãy G từ nền số 03 đến nền số 32 diện tích 100m²/nền (ngang 5m, dài 20m) với giá là 124.900.000 đồng/nền/100m² nhưng hộ bà B phải có đơn đề nghị xin được giải tỏa trắng, đồng ý nhận tiền và bàn giao mặt bằng. Ngược lại, trong trường hợp bà B không đồng ý, cơ quan chức năng phải thực hiện cưỡng chế thu hồi đất thì thực hiện theo phương án đã được phê duyệt và không xem xét cho bà B được mua nền tại Khu tái định cư Trung tâm hành chính huyện Cai Lậy.

UBND huyện đã chủ trì, phối hợp với Hội đồng bồi thường huyện, các ban, ngành, đoàn thể và địa phương tiếp xúc, trao đổi, vận động và giải thích về các chính sách bồi thường, chi tiết từng nội dung yêu cầu của bà B rất nhiều lần và đưa ra phương án có lợi để bà lựa chọn nhưng bà vẫn không đồng ý.

[2.2c] Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định UBND huyện C đã thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà B đối với diện tích đất, cùng với nhà ở, công trình phụ, cây trồng hoa màu trên đất như trên là đúng trình tự, thủ tục, có căn cứ theo quy định pháp luật. Bà B yêu cầu bồi thường giá đất hiện nay bằng giá thị trường là 3.200.000 đồng đối với diện tích đất 352,8m² với số tiền 1.128.230.000 đồng, bồi thường tiền san lấp nền và khu vực bị giải tỏa 400.000.000 đồng, bồi thường nhà và công trình phụ 999.230.000 đồng, tiền thuê nhà 36.000.000 đồng, tiền mất thu nhập là 216.000.000 đồng và giải quyết cho bà B được cấp một nền nhà tái định cư, là không phù hợp với Phương án bồi thường đã được Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy phê duyệt tại Quyết định số 3491/QĐ-UBND ngày 20/5/2014, và không có căn cứ theo quy định pháp luật.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lăng Thị B là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của bà Lăng Thị B; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Bà Lăng Thị B phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng Hành chính năm 2015.

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Lăng Thị B; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2019/HC-ST ngày 02/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, các Điều 32, 115, 116, 193 Luật tổ tụng Hành chính; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của Bà Lăng Thị B về việc yêu cầu hủy Quyết định số 3851/QĐ-UBND ngày 23/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy, Quyết định số 5138/QĐ-HĐBT ngày 25/9/2014 của Hội đồng bồi thường huyện Cai Lậy và Quyết định số 5777/QĐ-UBND ngày 12/9/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy.

2. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường liên quan đến việc thu hồi đất đối với Ủy ban nhân dân, Hội đồng bồi thường Ủy ban nhân dân huyện Cai lậy và quyết định cưỡng chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh T của bà Lăng Thị B.

2. Án phí hành chính sơ thẩm:

Bà Lăng Thị B phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng); nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm bà B đã nộp theo Biên lai thu số 001705 ngày 21/10/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang; bà B đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

- Án phí hành chính phúc thẩm:

Bà Lăng Thị B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng); nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm bà B đã nộp theo Biên lai thu số 0001040 ngày 06/8/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang; bà B đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 17 tháng 02 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1)
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao
tại Thành phố Hồ Chí Minh (1)
- TAND tỉnh Tiền Giang (1)
- VKSND tỉnh Tiền Giang (1)
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang (1)
- Các đương sự (3)
- Lưu HS (1) VP (6) (PTHH-15)

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Đình Thanh